

2026



FROM



Danh mục thuốc

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2026



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là danh sách đầy đủ các thuốc được đài thọ theo quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng tránh và được quy định theo Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ loại biệt dược có giá cao hơn và các thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc "chuyên khoa" dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống "chuyên khoa" hoặc "bệnh máu khó đông" của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống "chuyên khoa" hoặc "bệnh máu khó đông" của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không áp dụng nữa.

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
D/D+/C	Không áp dụng	Các loại thuốc trong danh mục thuốc có ký hiệu D/D+/C đi kèm có thể áp dụng khoản đồng thanh toán khác đối với các thiết kế quyền lợi nhất định. Vui lòng tham khảo các tài liệu về quyền lợi của quý vị để biết thêm thông tin.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiant Non-Amphetamine		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 EA daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl</i> <i>CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate</i> <i>PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
<i>GRASTEK SUBL</i>	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
<i>ARIKAYCE</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
<i>RINVOQ LQ SOLN</i>	4	QL(12 ML daily); PA
<i>RINVOQ TB24</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>XELJANZ XR TB24</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>XELJANZ SOLN</i>	4	QL(20 ML daily); PA
<i>XELJANZ TABS 10 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>XELJANZ TABS 5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Antirheumatic Antimetabolites		
<i>OTREXUP SOAJ 10 MG/0.4ML, 12.5 MG/0.4ML, 15 MG/0.4ML, 17.5 MG/0.4ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.4ML, 25 MG/0.4ML</i>	3	PA
<i>RASUVO SOAJ 7.5 MG/0.15ML, 10 MG/0.2ML, 12.5 MG/0.25ML, 15 MG/0.3ML, 17.5 MG/0.35ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.45ML, 25 MG/0.5ML, 30 MG/0.6ML</i>	3	PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEVIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.143 ML daily); PA	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.143 ML daily); PA	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA			
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA			
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
Gold Compounds			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)	<i>etodolac CAPS</i>	1B	
RIDAURA	3	QL(3 EA daily)	<i>etodolac TABS</i>	1B	
Interleukin-1 Blockers			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); ST
ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA	<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
Interleukin-6 Receptor Inhibitors			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	QL(3.6 ML per 28 day(s) retail; 4 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	QL(20 ML per 28 day(s) retail; 20 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
ACTEMRA SOSY	4	QL(3.6 ML per 28 day(s) retail; 4 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA	<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA	<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(20 EA per fill retail; 20 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)			<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 EA daily); ST
			<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
			<i>nabumetone</i>	1B	
			<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
			<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
			<i>naproxen TABS</i>	1B	
			<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
			<i>piroxicam CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA XR TB24 PO 75 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>OTEZLA TBPk</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>OTEZLA TBPk</i>	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Salicylates		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>diflunisal TABS</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>CODEINE SULFATE TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)
<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)</i>	1B	
<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)
<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)
Opioid Combinations		
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	Opioid Partial Agonists		
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)	<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
			<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
			<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
			<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate					
Hormones					
Androgens					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	

ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching

Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)

ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm

Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA

ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain

Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)

Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1A	
NITRO-BID OINT		
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV		
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	

ANTIANSXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety

Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
<i>FASENRA PEN SOAJ</i>	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>FASENRA SOSY 30 MG/ML</i>	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	C; QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
<i>ATROVENT HFA</i>	3	QL(0.44 GM daily)
<i>INCRUSE ELLIPTA</i>	2	C; QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	C; QL(15 ML daily)
<i>SPIRIVA RESPIMAT AERS IN</i>	2	C; QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	C; QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	1B	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
<i>ALVESCO</i>	3	PA

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation))	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
budesonide (inhalation) SUSP	1B	C; QL(4 ML daily); PA
fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	1B	C
fluticasone propionate hfa	1B	C; QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	C
QVAR REDHALER	2	C
Sympathomimetics		
AIRDUO DIGIHALER	3	
AIRSUPRA	3	
albuterol sulfate AERS	1B	C
albuterol sulfate NEBU	1B	C
albuterol sulfate SYRP	1B	C
albuterol sulfate TABS	1B	C
arformoterol tartrate	1B	C; QL(4 ML daily)
BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	2	
BREO ELLIPTA 50 MCG/INH-25 MCG/INH	2	C
BREZTRI AEROSPHERE	2	C; QL(0.38 GM daily)
budesonide-formoterol fumarate dihydrate	1B	
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)
DULERA	2	C
fluticasone furoate-vilanterol	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	1B	
fluticasone-salmeterol AEPB 113 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 232 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 55 MCG/ACT-14 MCG/ACT	1B	C
fluticasone-salmeterol AERO	1B	C
formoterol fumarate NEBU	1B	C; QL(4 ML daily)
ipratropium-albuterol SOLN	1B	C; QL(18 ML daily)
levbuterol hcl	1B	C
levbuterol tartrate	1B	C; QL(0.5 GM daily)
PROAIR DIGIHALER	3	
PROAIR RESPICLIK AEPB	3	
SEREVENT DISKUS	2	C
STIOLTO RESPIMAT	2	C
STRIVERDI RESPIMAT	2	C
terbutaline sulfate SOLN	1B	C
terbutaline sulfate TABS	1B	C
TRELEGY ELLIPTA	2	C; QL(2 EA daily)
umeclidinium-vilanterol	2	C; QL(2 EA daily)
Xanthines		
theophylline ELIX	1B	
theophylline SOLN	1B	C; QL(56 ML daily)
theophylline TB12	1B	C
theophylline TB24	1B	C
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
warfarin sodium TABS	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
XARELTO TABS 15 MG	2	QL(2 EA daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ML daily)
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA	<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1B	QL(40 ML daily)
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 EA daily)
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); ST
			<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); ST	DILANTIN SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B		<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ML daily); PA	<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 EA daily); PA	<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2		<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2		Succinimides		
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA	<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	Valproic Acid		
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
Carbamates			<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)	<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)	ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
GABA Modulators			<i>mirtazapine TABS</i>	1B	
<i>tiagabine hcl</i>	1B		<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	Antidepressants - Misc.		
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	D+/C
Hydantoins			<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	D+/C
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2		<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
DILANTIN	2		Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2		EMSAM	3	QL(1 EA daily)
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2		MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
			<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
			<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1A	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1A	D/C
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B	D+/C
<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1A	D/C
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1A	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B	D+/C
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B	D/C
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B	D/C
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B	D/C
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B	D+/C
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	D/C
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B	
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1A	D/C
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	D+/C
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glipizide-metformin hcl</i> 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	1B	D+; QL(2 EA daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
<i>glyburide-metformin</i> 250 MG-1.25 MG	1B	D+; QL(2 EA daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
<i>glyburide-metformin</i> 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	1B	D+; QL(4 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)	XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)	Biguanides		
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TABS</i> 1000 MG	1A	D+; QL(2.5 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TABS</i> 850 MG	0	QL(3 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TABS</i> 500 MG	1A	D+; QL(5 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TB24</i> 750 MG	1B	D+; QL(3 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-2.5 MG	1B	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TB24</i> 500 MG	1B	D+; QL(4 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	1B	QL(1 EA daily)	Diabetic Other		
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA	<i>diazoxide</i>	3	
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>glucagon SOLR IJ</i> 1 MG	1B	D+; QL(0.035 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)	Incretin Mimetic Agents		
			<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily)
			OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
			OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
			OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
			OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	D; QL(1.34 ML daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	D; QL(1.34 ML daily)
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2	
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2	
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B	
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B	
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B	
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	D
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	D
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	D
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	D
NOVOLIN N SUSP	2	D
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	D
NOVOLIN R SOLN IJ	2	D
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	1B	D
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	1B	D
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	1B	D
NOVOLOG PENFILL SOCT	1B	D
NOVOLOG SOLN IJ	1B	D

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	2	D
TRESIBA SOLN	2	D
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily)
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungals		
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ML daily)
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
QUZYTIR SOLN IV	3	PA
XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML	2	QL(10 ML daily); RX/OTC
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 130 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1A	D+; QL(1 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1A	D+
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1A	D+
<i>fosinopril sodium</i>	1B	D+
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1A	D+
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	D+
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>losartan potassium</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	D+
<i>valsartan TABS</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1A	D+
Antiadrenergic Antihypertensives			<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1A	D+; QL(8 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
<i>clonidine PTWK</i>	1B	QL(0.15 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B		<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B		<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Antihypertensive Combinations			<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B		<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST	<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3				
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B				
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B				
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)			
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B				
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trandolapril-verapamil hcl</i> 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	D+
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	D+
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>metronidazole TABS</i> 250 MG, 500 MG	1B	
<i>pentamidine isethionate IN</i>	1B	
<i>tinidazole</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO</i> 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ</i> 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1A	
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (<i>lomustine</i>)	4	PA
GLEOSTINE 10 MG (<i>lomustine</i>)	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>lomustine 10 MG</i>	4	SP; PA
<i>lomustine 40 MG, 100 MG</i>	4	PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
TABLOID	4	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
MVASI	4	PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA	<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)
ZIRABEV	4	PA	<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 EA daily); SP
Antineoplastic - Antibodies			ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
LOQTORZI	4	PA	EMCYT	4	SP; PA
RUXIENCE	4	PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA
TRUXIMA	4	PA	ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA
YERVOY	4	SP; PA	<i>exemestane</i>	4	QL(1 EA daily); SP
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
KANJINTI	4	PA	FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
OGIVRI	4	PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>letrozole</i>	1B	
TUKYSA	4	PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 EA daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
TAGRISO 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
TAGRISO 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA			
VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA			
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors					
DAURISMO	4	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 EA daily)	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA
ORGOVYX	4	PA	Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA
<i>toremifene citrate</i>	1B		<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA	BOORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA
YONSA	4	QL(4 EA daily); PA	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators			IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic Antibiotics			ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	KYPROLIS	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic Combinations					
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
MEKINIST SOLR	4	QL(40 ML daily); PA	XOSPATA	4	PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA	ZEJULA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA	ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(2 EA daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	Antineoplastics Misc.		
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	MATULANE	4	SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	NIPENT	4	SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA	UVADEX	4	SP; PA
TAFINLAR TBSO	4	QL(30 EA daily); PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
TAZVERIK	4	PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA	VORAXAZE	4	SP; PA
TURALIO 125 MG	4	PA	Mitotic Inhibitors		
VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA	<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
			<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
			ETOPOPHOS	4	SP; PA
			<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
			<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA	NEUPRO	2	
Topoisomerase I Inhibitors			<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
HYCANTIN CAPS	4	SP; PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA	<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4		<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4		<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease			Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
Antiparkinson Adjunctive Therapy			<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>carbidopa</i>	1B		<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics			<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B		ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B		Antimanic Agents		
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B		<i>lithium</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors			<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>tolcapone</i>	1B		<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics			Antipsychotics - Misc.		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B		EQUETRO 300 MG	3	QL(4 EA daily); ST
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B		EQUETRO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B		EQUETRO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA	<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B				
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B				

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA
FANAPT TITRATION PACK A	2	PA
<i>paliperidone</i>	1B	
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	
<i>risperidone TABS</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B	
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B	
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1B	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
CABENUVA	3		GENVOYA	3	QL(1 EA daily)
CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST	INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)	ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)
<i>darunavir TABS</i>	1B		ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)	ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)
DESCOVY 200 MG-25 MG	3		JULUCA	3	QL(1 EA daily)
DOVATO	3	QL(1 EA daily)	KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)
EDURANT	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ML daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)	<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)	<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)
			ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)
			PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)
			PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
			PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
			PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
			RETROVIR SOLN	3	
			<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 EA daily)
			SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
SYMTUZA	3	
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
TIVICAY PD TBSO	3	
TIVICAY TABS 50 MG	3	QL(2 EA daily)
TRIUMEQ PD TBSO	3	
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
TYBOST	3	QL(1 EA daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP
<i>lamivudine (hcv) TABS</i>	1B	QL(3 EA daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOVALDI TABS 200 MG	3	QL(1 EA daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	3	QL(1 EA daily); SP; PA
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1A	D+

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	D+
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	D+; QL(8 EA daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1A	D+
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	D+
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	D+
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1A	D+
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
Beta Blockers Non-Selective		
<i>HEMANGEOL SOLN PO</i>	4	QL(75 ML daily); PA
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl extended release beads 420 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	D+
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 30 MG</i>	1B	D+
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	D+
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	D+
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA	<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
Sinus Node Inhibitors			<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
Transthyretin Stabilizers			Cephalosporins - 4th Generation		
VYNDAMAX	4	QL(1 EA daily); PA	<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
VYNDAQEL	4	QL(4 EA daily); PA	Cephalosporins - 5th Generation		
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections			TEFLARO	3	
Cephalosporins - 1st Generation			CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B		Combination Contraceptives - Oral		
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B		AVERI TABS PO	0	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B		<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B		<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B		<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B		<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
Cephalosporins - 2nd Generation			<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>cefaclor CAPS</i>	1B		<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1B		FEMLYV TBDP	0	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefprozil TABS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B		LO LOESTRIN FE TABS	0	
Cephalosporins - 3rd Generation					
<i>cefdinir CAPS</i>	1B				
<i>cefdinir SUSR</i>	1B				
<i>cefixime CAPS</i>	1B				
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST			

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
TYBLUME CHEW	0	
Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail; 9 EA per 84 days mail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)
Copper Contraceptives - IUD		
MIUDELLA INTRAUTERINE COPPER	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER	0	
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
Progestin Contraceptives - Implants		
NEXPLANON	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)
Progestin Contraceptives - IUD		
KYLEENA	0	
LILETTA (52 MG)	0	
MIRENA (52 MG)	0	
SKYLA	0	
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 EA daily)
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TBPK</i>	1B	
SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antitussives		
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 % , 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tretinoin CREA 0.025 % , 0.05 % , 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
<i>tretinoin GEL 0.01 % , 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavaborole</i>	1B	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Antipsoriatics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA	YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)	YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA	YESINTEK SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	Antiseborrheic Products		
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	Antivirals - Topical		
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	Burn Products		
PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
PYZCHIVA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA	SULFAMYLLON CREA	3	
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA	Corticosteroids - Topical		
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA			
STEQEYMA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA			
STEQEYMA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST
<i>amcinonide OINT</i>	3		<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)
			<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)
			<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)
			<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily)
			<i>fluocinonide GEL</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
HALOG OINT	3	PA
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1B	D
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B	D
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	D
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	D
KETONE TEST STRP	1B	D
KETOSTIX STRP	1B	D
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	D
PRECISION XTRA KETONE	1B	D
RELION KETONE TEST STRP	1B	D
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	D; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	D; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>torseamide TABS</i>	1B	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure			Potassium Sparing Diuretics		
Carbonic Anhydrase Inhibitors			<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>acetazolamide sodium</i>	1B		<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)	Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)	DIURIL SUSP	2	QL(20 ML daily)
Diuretic Combinations			<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1A		<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1A		<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
Loop Diuretics			<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B		ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)	- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)	Bone Density Regulators		
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B		<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1A	QL(0.143 EA daily)
<i>furosemide TABS</i>	1A		<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
			<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
			FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
			<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
			<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)
			<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
			PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	1B	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
ANGELIQ	3	
BIJUVA	3	
CLIMARA PRO	3	
COMBIPATCH PTTW	3	
DUAVEE	3	
<i>esterified estrogens & methyltestosterone</i>	3	
<i>estradiol & norethindrone acetate TABS</i>	3	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>estradiol TABS</i>	1B	
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG <i>(estrogens, conjugated)</i>	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT4 Receptor Agonists		
<i>prucalopride succinate</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
PYZCHIVA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
STEQEYMA	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
YESINTEK 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS -		
Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	1B	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1A	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>eptifibatide 200 MG/100ML</i>	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
<i>eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
NYVEPRIA	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
<i>DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin)</i>	2	
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1B	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
<i>AIMSCO LUBRICATED MISC</i>	0	
<i>CAYA DPRH</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0		TROJAN BARESKIN DEVI	0	
DUREX TROPICAL MISC	0		TROJAN MAGNUM MISC	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0		TROJAN ULTRA THIN MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	
FEMCAP DEVI	0		TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0		TRUE COVER DEVI	0	
KIMONO COLORS DEVI	0		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0		TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0		TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	
KIMONO PLUS MISC	0		TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	
KIMONO PS PLUS MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	
KIMONO PS MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	
KIMONO SENSATION MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0		TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	
KIMONO MISC	0		TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	
MAXX PLUS MISC	0		TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	
MAXX MISC	0		TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0				
REALITY LATEX CONDOMS MISC	0				
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
Diabetic Supplies		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	PA
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE READER	3	PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	D; RX/OTC
RELION LANCET DEVICES 30G	1B	D; RX/OTC
RELION LANCETS	1B	D; RX/OTC
SELECT LANCETS	1B	6.66/day

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SELECT LANCETS	1	6.66/day
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	D
Parenteral Therapy Supplies		
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	D; QL(5 EA daily)
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day; #
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA
UBRELVY 50 MG	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 30 EA per 90 days mail); ST
UBRELVY 100 MG	3	QL(16 EA per 30 day(s) retail; 16 EA per 30 days mail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine</i> TABS	1B	QL(1.5 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
MINERALS & ELECTROLYTES		
Bicarbonates		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
Calcium		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
Electrolyte Mixtures			<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B		<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
IONOSOL-MB IN D5W	1B		<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA
ISOLYTE-P IN D5W	1B		<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	
ISOLYTE-S	1B		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B	
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B		<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B	
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B		MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
NORMOSOL-M IN D5W	1B		Chelating Agents		
NORMOSOL-R PH 7.4	1B		<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B		<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B		<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA
<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B		Immunomodulators		
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B		<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>ringer's</i>	1B		<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
Fluoride			THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)	Immunosuppressive Agents		
Phosphate			ATGAM	4	SP; PA
<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B		AZATHIOPRINE SODIUM	1B	
Potassium			<i>azathioprine TABS</i>	1B	
			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN 5 MG/ML (<i>tacrolimus</i>)	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)	
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)				
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)				
MATRONEX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC				
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC				
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)				
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC		PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC		PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)		PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)		PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	
ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)	
ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	
PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)	MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms			
Central Muscle Relaxants						
<i>baclofen TABS</i>				1B		
<i>carisoprodol TABS</i>				1B		
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>				1B	QL(6 EA daily)	
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>				1B	QL(4 EA daily)	
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>				1A	QL(3 EA daily)	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 ML daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BESIFLOXACIN HCL 0.6 %	3	PA	<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
BESIVANCE	3	PA	<i>loteprednol etabonate-tobramycin</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B		MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B		PRED MILD	3	PA
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B		<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
NATACYN	2		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B		<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B		<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B		ZYLET	3	PA
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B		Ophthalmic Surgical Aids		
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B		HEALON PRO SOSY	3	PA
<i>trifluridine</i>	1B		PROVISC SOSY	3	PA
ZIRGAN GEL	2		Ophthalmics - Misc.		
Ophthalmic Immunomodulators			ALOCRI	3	PA
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA	ALOMIDE	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics			<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>proparacaine hcl</i>	1B		<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
Ophthalmic Steroids			<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)	<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>difluprednate</i>	1B	PA	<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B		CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
FML FORTE SUSP	3	PA	<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
LOTEMAX OINT	3	PA	<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA	<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	1B	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMUNEX-C 40 GM/400ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	PA
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 EA daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i> fingolimod hcl</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	3	QL(1 EA daily); PA
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
NICOTROL NS SOLN	0	
NICOTROL INHA	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)
EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1A	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID TABS	1B	QL(1 EA daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
VAXELIS SUSP	0	
VAXELIS SUSY	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	1B	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 EA daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic Agonists		
<i>mirabegron TB24</i>	3	PA
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants			AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>flavoxate hcl</i>	1B		AREXVY	0	
VACCINES			AUDENZ EMUL	0	
Bacterial Vaccines			AUDENZ PRSY	0	
ACTHIB SOLR IM	0		COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0	
BEXSERO 0.5 ML	0		COMIRNATY SUSP	0	
CAPVAXIVE	0		COMIRNATY SUSY	0	
HIBERIX SOLR IJ	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
MENACTRA	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
MENQUADFI 0.5 ML	0		FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENVEO SOLN	0		FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENVEO SOLR	0		FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PEDVAX HIB SUSP	0		FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PENBRAYA	0		FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)			
PNEUMOVAX 23 SOLN	0				
PNEUMOVAX 23 SOSY	0				
PREVNAR 13	0				
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail			
TRUMENBA 0.5 ML	0				
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail			
Viral Vaccines					
ABRYSVO	0				
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0	
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	IPOL IJ	0	
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JYNNEOS	0	
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0	
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 BIVALENT	0	
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MRESVIA	0	
			NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
			NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	
			NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0	
			PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0	
			PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0	
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0	
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTATEQ SOLN	0	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0	
SPIKEVAX SUSP	0	
SPIKEVAX SUSY	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	
VAQTA	0	
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
Vaginal Anti-infectives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXX	0	PV
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
ESTRING RING 7.5 MCG/24HR	3	
FEMRING	3	
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ML daily)
NIACIN ER TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	28	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	43	adapalene GEL	35
abacavir sulfate TABS	28	ACTHAR GEL	43	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	35
abacavir sulfate-lamivudine	28	ACTHIB SOLR IM	62	adefovir dipivoxil	30
abiraterone acetate 250 MG	24	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	26	ADEMPAS	33
abiraterone acetate 500 MG	24	acyclovir CAPS	30	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	60
ABRYSVO	62	acyclovir SUSP	30	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	62
acamprosate calcium	58	acyclovir TABS PO	30	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	62
acarbose	14	acyclovir topical CREA	38	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	62
acebutolol hcl CAPS	31	acyclovir topical OINT	38	AFLURIA SUSP	62
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADACEL SUSP	60	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	46
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	7	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	60	AIMOVIG	50
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML	3	AIMSCO LUBRICATED MISC	48
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	7	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3	AIRDUO DIGIHALER	10
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	7	ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT 3		AIRSUPRA	10
acetazolamide CP12	42	ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	3	AKYNZEO	17
acetazolamide sodium	42	ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	3	albendazole	8
acetazolamide TABS 125 MG	42	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albuterol sulfate AERS	10
acetazolamide TABS 250 MG	42	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate NEBU	10
acetic acid (otic)	57	ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT 3		albuterol sulfate SYRP	10
acetic acid 0.25 %	46	ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	3	albuterol sulfate TABS	10
acetylcysteine SOLN	35	ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	3	alclometasone dipropionate CREA	38
acitretin 10 MG, 17.5 MG	38	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	3	alclometasone dipropionate OINT	38
acitretin 25 MG	38	adapalene CREA	35	ALDURAZYME	43
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4			ALECENSA	25
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4			alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	42
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4				
ACTEMRA SOSY	4				

alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	42	amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	61
alfuzosin hcl	46	amiloride & hydrochlorothiazide ..	42	amphetamine sulfate TABS	1
ALINIA SUSR	21	amiloride hcl TABS	42	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG	1
aliskiren fumarate	21	aminocaproic acid TABS	47	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG	1
allopurinol 100 MG, 300 MG	46	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML .	9	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG	1
almotriptan malate 12.5 MG	51	amiodarone hcl TABS	9	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG	1
almotriptan malate 6.25 MG	51	amitriptyline hcl TABS	14	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1
ALOCRIL	56	amlodipine besylate TABS	31	amphotericin b IV	17
alogliptin benzoate	15	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32	ampicillin CAPS 500 MG	57
alogliptin-metformin hcl	14	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		ampicillin sodium IV 10 GM	57
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	anagrelide hcl	46
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	14	amlodipine besylate-valsartan	20	anastrozole	24
ALOMIDE	56	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide	20	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	8
alosetron hcl	45	amoxapine	14	ANGELIQ	44
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	9	amoxicillin & pot clavulanate CHEW .	58	ANNOVERA	34
alprazolam TABS 2 MG	9	amoxicillin & pot clavulanate SUSR	58	ANZEMET TABS 50 MG	17
alprazolam TB24	9	amoxicillin & pot clavulanate TABS	58	APIDRA SOLN	16
alprazolam TBDP	9	amoxicillin & pot clavulanate TB12	58	APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
ALTABAX	36	amoxicillin CAPS	57	apomorphine hydrochloride SOCT	27
ALVESCO	9	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG .	57	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	17
alvimopan	45	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG .	57	aprepitant CAPS 80 MG	17
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML ...	57	aprepitant CAPS	17
amantadine hcl SOLN	27	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	57	APTIVUS CAPS	28
amantadine hcl TABS	27	amoxicillin TABS	57	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	47
ambrisentan	32				
amcinonide CREA	39				
amcinonide OINT	39				

ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML47	ATGAM52	azithromycin TABS 600 MG 48
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...47	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG1	aztreonam 1 GM21
ARCALYST4	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG1	bacitracin (ophthalmic)55
AREXVY62	atorvastatin calcium TABS19	baclofen TABS54
arformoterol tartrate10	atovaquone21	balsalazide disodium CAPS 45
ARIKAYCE2	atovaquone-proguanil hcl 22	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 12
aripiprazole SOLN PO28	atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML55	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 12
aripiprazole TABS28	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML60	BAXDELA SOLR44
armodafinil1	ATROVENT HFA9	BAXDELA TABS44
ARMOUR THYROID TABS60	AUDENZ EMUL62	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN . 50
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation)) ...10	AUDENZ PRSY62	BELSOMRA48
arsenic trioxide 10 MG/10ML26	AURANOFIN 3 MG4	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...20
ARZERRA24	AUSTEDO TABS58	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..20
ascorbic acid SOLN IJ65	avanafil32	benazepril hcl19
asenapine maleate 2.5 MG28	AVERI TABS PO33	BENEFIX KIT46
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .28	AVONEX PEN AJKT58	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 35
aspirin CHEW5	AVONEX PREFILLED PSKT58	BENZEPRO FOAM 5.3 %35
aspirin TABS 325 MG5	azacitidine SUSR23	benzonatate 100 MG35
aspirin TBEC 325 MG5	AZATHIOPRINE SODIUM52	benzonatate 150 MG35
aspirin TBEC 81 MG5	azathioprine TABS52	benzonatate 200 MG35
aspirin-dipyridamole46	azelaic acid GEL41	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %35
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG29	azelastine hcl (ophth)56	benzoyl peroxide GEL 10 %35
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .29	azelastine hcl55	benzoyl peroxide GEL 5 %35
atenolol & chlorthalidone20	azithromycin PACK48	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .36
atenolol TABS31	azithromycin SUSR48	benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 35
	azithromycin TABS 250 MG48	
	azithromycin TABS 500 MG48	

benztropine mesylate TABS	27	BIJUVA	44	budesonide (intrarectal)	8
bepotastine besilate	56	BIKTARVY	29	budesonide (nasal)	55
BESIFLOXACIN HCL 0.6 %	56	bimatoprost SOLN	57	budesonide CPEP	34
BESIVANCE	56	bisacodyl SUPP	48	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
betaine	43	bisacodyl TBEC	48	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	42
betamethasone dipropionate (topical) CREA	39	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	bumetanide TABS	42
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	39	bisoprolol fumarate	31	buprenorphine hcl SOLN	7
betamethasone dipropionate (topical) OINT	39	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	buprenorphine hcl SUBL	7
betamethasone dipropionate augmented CREA	39	BOOSTRIX SUSP	60	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7
betamethasone dipropionate augmented LOTN	39	BOOSTRIX SUSY	60	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7
betamethasone dipropionate augmented OINT	39	bortezomib SOLR IJ	25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7
betamethasone valerate CREA	39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	25	buprenorphine PTWK	7
betamethasone valerate FOAM ...	39	bosentan TABS 125 MG	32	bupropion hcl (smoking deterrent) 59	
betamethasone valerate LOTN	39	bosentan TABS 62.5 MG	32	bupropion hcl TABS	13
betamethasone valerate OINT	39	bosentan TBSO 32 MG	32	bupropion hcl TB12	13
BETASERON KIT	58	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	10	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG	13
betaxolol hcl (ophth) SOLN	55	BREO ELLIPTA 50 MCG/INH-25 MCG/INH	10	buspirone hcl 5 MG	8
betaxolol hcl	31	BREZTRI AEROSPHERE	10	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8
bethanechol chloride 25 MG	62	brimonidine tartrate (topical)	41	busulfan SOLN	23
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	62	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	55	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5
bexarotene (topical)	37	brimonidine tartrate-timolol maleate . 55		butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	5
bexarotene	26	brinzolamide	56	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
BEXSERO 0.5 ML	62	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...	12	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
BEYFORTUS	57	bromfenac sodium (ophth)	56	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
bicalutamide	24	bromocriptine mesylate CAPS	27	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
		bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	27		
		budesonide (inhalation) SUSP	10		

butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	7	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20	cefaclor CAPS	33
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	7	capecitabine	23	cefaclor SUSR 250 MG/5ML	33
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5	CAPRELSA	25	cefadroxil CAPS	33
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	7	captopril 12.5 MG	19	cefadroxil SUSR	33
butenafine hcl	36	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG ..	19	cefadroxil TABS	33
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	CAPVAXIVE	62	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	33
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML ..	7	carbamazepine CHEW 100 MG ...	12	cefdinir CAPS	33
CABENUVA	29	carbamazepine CP12 100 MG	12	cefdinir SUSR	33
cabergoline	44	carbamazepine CP12 200 MG	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	33
CABOMETYX TABS	25	carbamazepine CP12 300 MG	12	cefixime CAPS	33
calcipotriene CREA	38	carbamazepine CP12 300 MG	12	cefixime SUSR	33
calcipotriene OINT	38	carbamazepine SUSP	12	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	33
calcipotriene SOLN	38	carbamazepine TABS	12	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	39	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12	cefpodoxime proxetil SUSR	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	39	carbamazepine TB12 200 MG	12	cefpodoxime proxetil TABS	33
calcitonin (salmon) NA	42	carbidopa	27	cefprozil SUSR	33
calcitriol (topical)	38	carbidopa-levodopa TABS	27	cefprozil TABS	33
calcitriol CAPS	43	carbidopa-levodopa TBCR	27	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	33
calcitriol SOLN IV	43	carbidopa-levodopa TBDP	27	cefuroxime axetil TABS	33
calcium acetate (phosphate binder) CAPS	45	carbidopa-levodopa-entacapone ..	27	cefuroxime sodium IJ 750 MG	33
calcium acetate (phosphate binder) TABS	45	carbinoxamine maleate SOLN	18	celecoxib	4
calcium chloride (dihydrate) SOLN	52	carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 18		cephalexin CAPS	33
calcium polycarbophil TABS	48	carisoprodol TABS	54	cephalexin SUSR	33
candesartan cilexetil	19	carmustine	23	CERDELGA	47
		carteolol hcl (ophth)	55	CEREZYME 400 UNIT	47
		carvedilol	30	cetirizine hcl TABS	18
		carvedilol phosphate	31	cevimeline hcl	53
		CAYA DPRH	48	CHEMET	17
		CAYSTON	21	CHEMSTRIP K STRP	41

chloramphenicol sodium succinate 21	ciclopirox SOLN36	36	clindamycin phosphate (topical) LOTN36
chlordiazepoxide hcl CAPS9	cidofovir30		clindamycin phosphate (topical) SOLN36
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide60	cilostazol46		clindamycin phosphate (topical) SWAB36
chlordiazepoxide-amitriptyline58	CIMDUO29		clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML21
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)53	cimetidine TABS61		clindamycin phosphate vaginal CREA64
chloroquine phosphate TABS 250 MG22	cinacalcet hcl43		clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)36
chloroquine phosphate TABS 500 MG22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN56		clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %36
chlorpromazine hcl SOLN28	ciprofloxacin hcl (otic)57		clindamycin phosphate-tretinoin ..36
chlorpromazine hcl TABS28	ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG44		CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) .55
chlorthalidone 25 MG, 50 MG42	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML . 44		CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...55
chlorzoxazone TABS 500 MG54	ciprofloxacin-dexamethasone57		clobazam SUSP11
chlorzoxazone TABS 750 MG54	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 57		clobazam TABS11
CHOLBAM45	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...23		clobetasol propionate CREA 0.05 % . 39
cholecalciferol CAPS65	citalopram hydrobromide SOLN ...14		clobetasol propionate emollient base 0.05 %39
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT65	citalopram hydrobromide TABS ...14		clobetasol propionate FOAM39
cholestyramine light PACK18	clarithromycin SUSR48		clobetasol propionate GEL 0.05 % 39
cholestyramine light POWD18	clarithromycin TABS48		clobetasol propionate OINT 0.05 % 39
cholestyramine PACK18	clarithromycin TB2448		clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 39
cholestyramine POWD18	CLASSIC PRENATAL TABS53		clocortolone pivalate39
choline fenofibrate19	clemastine fumarate SYRP18		clofarabine23
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 43	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18		
ciclopirox GEL36	CLIMARA PRO44		
ciclopirox olamine CREA36	clindamycin hcl21		
ciclopirox olamine SUSP36	clindamycin palmitate hydrochloride . 21		
ciclopirox SHAM36	clindamycin phosphate (topical) FOAM36		
	clindamycin phosphate (topical) GEL		

clomiphene citrate TABS	43	colestipol hcl TABS	19	MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7
clomipramine hcl	14	COMBIPATCH PTTW	44	MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-
clonazepam TABS	11	COMBIVENT RESPIMAT AERS ..	10	263 MG-11 UNIT-4000 UNIT
clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE)		cyanocobalamin SOLN IJ 1000
clonidine hcl TABS	20	KIT	25	MCG/ML
clonidine PTWK	20	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE)		cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10
clopidogrel bisulfate 300 MG	46	KIT	25	MG
clopidogrel bisulfate 75 MG	46	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE)		cyclophosphamide CAPS
clorazepate dipotassium TABS	9	KIT	25	cyclophosphamide SOLR IJ
clotrimazole (topical) CREA	36	COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10		cycloserine
clotrimazole (topical) SOLN	36	MCG/0.3ML	62	cyclosporine (ophth) EMUL
clotrimazole	53	COMIRNATY SUSP	62	cyclosporine CAPS
clotrimazole vaginal CREA 1 %	64	COMIRNATY SUSY	62	cyclosporine modified (for
clotrimazole w/ betamethasone		COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG		microemulsion) CAPS
CREA	37	(emtricitabine- rilpivirine-tenofovir		cyclosporine modified (for
clotrimazole w/ betamethasone		disoproxil fumarate)	29	microemulsion) SOLN
LOTN	37	CORDRAN TAPE	39	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .
clozapine TABS	28	CORTISPORIN-TC	57	cyproheptadine hcl SYRP
clozapine TBDP 100 MG	28	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY .		cyproheptadine hcl TABS
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG		38		CYSTAGON CAPS
28		COSENTYX SENSOREADY (300		CYSTARAN
clozapine TBDP 25 MG	28	MG) SOAJ	38	dabigatran etexilate mesylate CAPS .
COARTEM	22	COSENTYX SENSOREADY PEN		11
codeine sulfate TABS 30 MG	5	SOAJ	38	dactinomycin
CODEINE SULFATE TABS	5	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ..	38	dalfampridine
colchicine TABS	46	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	38	danazol CAPS
colchicine w/ probenecid	46	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	38	dantrolene sodium CAPS
colesevelam hcl PACK	19	CREON CPEP	41	dapagliflozin propanediol
colesevelam hcl TABS	19	CRESEMBA CAPS 186 MG	18	dapagliflozin propanediol-metformin
colestipol hcl GRAN	19	cromolyn sodium (ophth)	56	hcl 1000 MG-10 MG
colestipol hcl PACK	19	cromolyn sodium NEBU	9	dapagliflozin propanediol-metformin
		crotamiton LOTN	41	hcl 1000 MG-5 MG
		CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6		dapsone
				21

DAPTACEL	60	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	33	DIACOMIT CAPS 500 MG	12
daptomycin 500 MG	21	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	33	DIACOMIT PACK 250 MG	12
darifenacin hydrobromide	61	desonide CREA	39	DIACOMIT PACK 500 MG	12
darunavir TABS	29	desonide LOTN	39	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	12
dasatinib	25	desonide OINT	39	diazepam CONC	9
DAURISMO	24	desoximetasone CREA 0.25 %	39	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML	9
decitabine	23	desoximetasone GEL	39	diazepam TABS	9
deferasirox PACK	17	desoximetasone OINT 0.25 %	39	diazoxide	15
deferasirox TABS	17	desvenlafaxine succinate	14	diclofenac epolamine PTCH EX ...	37
deferasirox TBSO	17	dexamethasone ELIX	34	diclofenac potassium TABS 50 MG .	4
deflazacort TABS	34	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	34	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	37
DELSTRIGO	29	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	56	diclofenac sodium (ophth)	56
demeclocycline hcl TABS	60	dexamethasone SOLN	34	diclofenac sodium (topical) GEL EX 37	
DEPO-ESTRADIOL	44	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	35	diclofenac sodium TB24	4
DEPO-MEDROL SUSP	34	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	35	diclofenac sodium TBEC	4
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	34	dexlansoprazole	61	diclofenac w/ misoprostol TBEC	4
DESCOVY 200 MG-25 MG	29	dexmethylphenidate hcl CP24	1	dicloxacillin sodium	58
desipramine hcl TABS	14	dexmethylphenidate hcl TABS	1	dicyclomine hcl CAPS	60
desloratadine TABS	18	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1	dicyclomine hcl SOLN PO	60
desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1	dicyclomine hcl TABS	61
desmopressin acetate SOLN IJ ...	43	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG .	1	DIFFERIN LOTN	36
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	43			DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 48	
desmopressin acetate spray	43			diflorasone diacetate CREA	39
desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %	43			diflorasone diacetate OINT	39
desmopressin acetate TABS 0.1 MG 44				diflunisal TABS	5
desmopressin acetate TABS 0.2 MG 44				difluprednate	56
desogestrel & ethinyl estradiol	33	DIACOMIT CAPS 250 MG	12	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML	32
				digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG,	

250 MCG	32	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	18	doxercalciferol CAPS	43
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	51	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxercalciferol SOLN	43
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	51	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25
DILANTIN (phenytoin sodium extended)	13	dipyridamole	46	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	60
DILANTIN	13	disopyramide phosphate CAPS	9	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	60
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13	disulfiram	58	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	60
DILANTIN SUSP (phenytoin)	13	DIURIL SUSP	42	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	60
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13	divalproex sodium TB24	13	doxycycline hyclate CAPS	60
diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	31	divalproex sodium TBEC	13	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	60
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	31	docetaxel CONC 20 MG/ML	26	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	60
diltiazem hcl CP12	31	docusate calcium	48	doxylamine-pyridoxine TBEC	17
diltiazem hcl CP24	31	docusate sodium CAPS 100 MG ..	48	dronabinol CAPS	17
diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	31	docusate sodium CAPS 250 MG ..	48	drosiprenone-ethinyl estradiol	33
diltiazem hcl extended release beads 420 MG	31	dofetilide	9	drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	33
diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	31	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	58	DROXIA CAPS	47
DILTIAZEM HCL SOLR	31	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	58	DUAVEE	44
diltiazem hcl TABS	31	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	58	DULERA	10
diltiazem hcl TB24	31	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 58		duloxetine hcl CPEP	14
dimethyl fumarate CDPK	59	dorzolamide hcl	56	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 40	
dimethyl fumarate CPDR	59	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	55	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	40
DIPENTUM	45	DOVATO	29	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 40	
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18		doxazosin mesylate	20	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	40
diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	doxepin hcl (antipruritic)	37	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	49
		doxepin hcl (sleep)	47	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	49
		doxepin hcl CAPS	14		
		doxepin hcl CONC	14		

DUREX TROPICAL MISC	49	EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	50	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11
dutasteride	46	EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	50	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11
dutasteride-tamsulosin hcl	46	EMCYT	24	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11
econazole nitrate CREA	37	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 50	50	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11
EDARBI	19	EMGALITY SOAJ	50	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11
EDURANT	29	EMGALITY SOSY	50	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11
efavirenz CAPS 200 MG	29	EMSAM	13	entacapone	27
efavirenz CAPS 50 MG	29	emtricitabine CAPS	29	entecavir TABS	30
efavirenz TABS	29	emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	29	EPIDIOLEX	12
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	29	epinastine hcl (ophth)	56
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	29	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	64
ELAPRASE	43	EMTRIVA SOLN	29	eplerenone	21
electrolyte-148	52	EMVERM CHEW	8	epoprostenol sodium	32
electrolyte-a	52	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	20	eptifibatide 200 MG/100ML	46
ELESTRIN GEL	44	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	20	EQL PRENATAL FORMULA TABS 53	53
eletriptan hydrobromide	51	enalapril maleate TABS	19	EQUETRO 100 MG	27
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24	ENBREL MINI SOCT	5	EQUETRO 200 MG	27
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24	ENBREL SOLN	5	EQUETRO 300 MG	27
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPk	11	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	5	ERBITUX	24
ELIQUIS TABS	11	ENBREL SOSY 50 MG/ML	5	ergocalciferol CAPS	65
ELLA	34	ENBREL SURECLICK SOAJ	5	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	65
ELMIRON CAPS	46	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	62	ergoloid mesylates TABS	59
eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG	47	ENGERIX-B SUSY	62	ERGOMAR SUBL	51
eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	47			ergotamine w/ caffeine TABS	50
EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	50			eribulin mesylate	26
EMBECTA PEN NEEDLE NANO ..	50				

ERIVEDGE	24	estradiol TABS	44	exemestane	24
ERLEADA 240 MG	24	estradiol vaginal CREA	64	ezetimibe	19
ERLEADA 60 MG	24	estradiol vaginal TABS	64	ezetimibe-simvastatin	18
erlotinib hcl	24	estradiol valerate	44	famciclovir 125 MG, 250 MG	30
ERTACZO	37	ESTRING RING 7.5 MCG/24HR ..	64	famciclovir 500 MG	30
ertapenem sodium IJ	21	estrogens, conjugated TABS 0.3 MG,		famotidine in nacl SOLN	61
erythromycin (acne aid) PADS	36	0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25		famotidine SUSR	61
erythromycin (acne aid) SOLN	36	MG	44	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	61
erythromycin (ophth)	56	eszopiclone	47	FANAPT	28
erythromycin base CPEP	48	ethacrynic acid	42	FANAPT TITRATION PACK A	28
erythromycin base TABS	48	ethambutol hcl TABS	22	FANTASY LUBRICATED MISC ...	49
erythromycin base TBEC	48	ethosuximide CAPS	13	FANTASY	
erythromycin ethylsuccinate SUSR		ethosuximide SOLN	13	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	
48		ethynodiol diacet & eth estrad	33	49	
erythromycin ethylsuccinate TABS	48	etodolac CAPS	4	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	
escitalopram oxalate SOLN	14	etodolac TABS	4	16
escitalopram oxalate TABS	14	etonogestrel-ethinyl estradiol	34	FASENRA PEN SOAJ	9
eslicarbazepine acetate 200 MG, 400		ETOPOPHOS	26	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	9
MG, 600 MG, 800 MG	12	etoposide CAPS	26	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9
esomeprazole magnesium CPDR 20		etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100		FC2 FEMALE CONDOM	49
MG	61	MG/5ML, 500 MG/25ML	26	febuxostat	46
esomeprazole magnesium CPDR 40		etravirine 100 MG	29	felbamate SUSP	13
MG	61	etravirine 200 MG	29	felbamate TABS 400 MG	13
esomeprazole magnesium TBEC ..	61	EUCRISA	41	felbamate TABS 600 MG	13
estazolam	47	EVAMIST SOLN	44	felodipine	31
esterified estrogens &		everolimus (immunosuppressant)		FEMCAP DEVI	49
methyltestosterone	44	0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	53	FEMLYV TBDP	33
estradiol & norethindrone acetate		everolimus (immunosuppressant) 1		FEMRING	64
TABS	44	MG	53	fenofibrate micronized 43 MG, 130	
estradiol GEL	44	everolimus TABS	25	MG	19
estradiol PTTW	44	EVEXITHROID TABS 180 MG	60	fenofibrate micronized 67 MG, 134	
estradiol PTWK	44	EVOTAZ	29	MG, 200 MG	19

fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	63	fluorouracil (topical) CREA 5 %	37
fenopropfen calcium TABS	4	FLUCELVAX SUSP	63	fluorouracil (topical) SOLN	37
FENSOLVI (6 MONTH) SC	43	FLUCELVAX SUSY	63	fluorouracil 500 MG/10ML	23
fentanyl citrate LPOP	5	fluconazole SUSR	18	fluoxetine hcl CAPS	14
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	fluconazole TABS	18	fluoxetine hcl CPDR	14
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML	47	flucytosine	17	fluoxetine hcl SOLN	14
ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG	47	fludarabine phosphate SOLN	23	fluoxetine hcl TABS	14
ferrous sulfate TBEC 325 MG	47	fludarabine phosphate SOLR	23	fluphenazine hcl CONC	28
fesoterodine fumarate	61	fludrocortisone acetate TABS	35	fluphenazine hcl ELIX	28
FETZIMA CP24	14	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY .	63	fluphenazine hcl SOLN	28
FETZIMA TITRATION C4PK	14	FLULAVAL SUSY	63	fluphenazine hcl TABS	28
fidaxomicin TABS 200 MG	48	FLUMIST	63	flurandrenolide CREA	40
finasteride	46	FLUMIST QUADRIVALENT	63	flurandrenolide LOTN	40
finngolimod hcl	59	flunisolide (nasal)	55	flurazepam hcl	47
FIRMAGON (240 MG DOSE)	24	fluocinolone acetonide (otic)	57	flurbiprofen sodium	57
FIRMAGON 80 MG	24	fluocinolone acetonide CREA 0.01 %	39	flurbiprofen TABS	4
flavoxate hcl	62	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	39	fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT	10
flecainide acetate	9	fluocinolone acetonide OIL	39	fluticasone furoate-vilanterol	10
floxuridine	23	fluocinolone acetonide OINT	39	fluticasone propionate (inhalation) AEPB	10
FLUAD	62	fluocinolone acetonide SOLN	39	fluticasone propionate (nasal) SUSP .	55
FLUAD QUADRIVALENT	62	fluocinonide CREA 0.05 %	39	fluticasone propionate CREA 0.05 %	40
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	62	fluocinonide CREA 0.1 %	39	fluticasone propionate hfa	10
FLUARIX SUSY	62	fluocinonide emulsified base	39	fluticasone propionate LOTN	40
FLUBLOK QUADRIVALENT	62	fluocinonide GEL	39	fluticasone propionate OINT	40
FLUBLOK SOSY	63	fluocinonide OINT	40	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	63	fluocinonide SOLN	40		
		fluorometholone (ophth) SUSP	56		

fluticasone-salmeterol AEPB 113 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 232 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 55 MCG/ACT-14 MCG/ACT10	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide 20 fosinopril sodium 19 fosphenytoin sodium 13 FRAGMIN SOSY11	GAMUNEX-C 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 57 GAMUNEX-C 40 GM/400ML 57 ganciclovir sodium SOLR30 ganirelix acetate43 GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML 63 GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML 63 gatifloxacin (ophth)56 gefitinib 24 gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG 23 gemfibrozil TABS19 GENOTROPIN CART SC 43 GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 43 gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %2 gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..56 gentamicin sulfate (topical) CREA .36 gentamicin sulfate (topical) OINT ..36 gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML 2 GENVOYA 29 GILOTRIF 24 glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 59 glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 59 GLEOSTINE 10 MG (lomustine) .. 23 GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (lomustine) 23 glimepiride 1 MG, 2 MG16 glimepiride 4 MG16
fluticasone-salmeterol AERO 10 fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19 fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19 fluvoxamine maleate TABS 14 FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT63 FLUZONE HIGH-DOSE SUSY63 FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 63 FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 63 FLUZONE SUSP63 FLUZONE SUSY63 FML FORTE SUSP56 folic acid TABS47 fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11 fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11 fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11 fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11 FORA GTEL BLOOD KETONE TEST41 FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON41 formoterol fumarate NEBU10 FOSAMAX PLUS D 42 fosamprenavir calcium TABS29 fosfomycin tromethamine 22	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER 50 FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR 50 FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR 50 FREESTYLE LIBRE 2 READER ..50 FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..50 FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR 50 FREESTYLE LIBRE 3 READER ..50 FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..50 FREESTYLE LIBRE READER ...50 frovatriptan succinate 51 FT PRENATAL TABS53 fulvestrant SOSY24 furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML 42 furosemide TABS42 FUZEON SOLR29 gabapentin CAPS12 gabapentin SOLN12 gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12 galantamine hydrobromide CP24 .58 galantamine hydrobromide SOLN .58 galantamine hydrobromide TABS .58	

glipizide TABS 5 MG, 10 MG 16	guanfacine hcl (adhd)1	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT 3
glipizide TB24 16	guanfacine hcl20	HUMIRA-PED>/=40KG CROHNS START PSKT3
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG15	GYNAZOLE-1 64	HUMIRA-PED>/=40KG UC STARTER AJKT3
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG14	HAEGARDA SOLR SC 46	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT3
GLUCAGEN DIAGNOSTIC41	halcinonide CREA 40	HUMIRA-PSORIASIS/UVEIT STARTER AJKT3
glucagon SOLR IJ 1 MG15	halobetasol propionate CREA 40	
glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG 16	halobetasol propionate OINT 40	
glyburide TABS 16	HALOG OINT 40	
glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG 15	haloperidol decanoate28	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC 16
glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG15	haloperidol lactate CONC28	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC16
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % .. 46	haloperidol lactate SOLN 28	HYCAMTIN CAPS 27
glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 61	haloperidol TABS 28	hydralazine hcl SOLN21
glycopyrrolate TABS 1 MG 61	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML63	hydralazine hcl TABS21
glycopyrrolate TABS 2 MG 61	HEALON PRO SOSY56	hydrochlorothiazide CAPS42
GLYXAMBI 15	HEMANGEOL SOLN PO 31	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 42
GNP PRENATAL TABS 54	HEMATINIC/FOLIC ACID47	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG 42
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS53	HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	hydrocodone bitartrate CP12 5
GOHIBIC 46	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML 11	hydrocodone bitartrate T24A5
GOJJI BLOOD KETONE TEST ...41	HEPLISAV-B SOSY63	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .35
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17	HIBERIX SOLR IJ62	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML 7
granisetron hcl TABS 17	HUMATROPE CART IJ43	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML 7
GRASTEK SUBL2	HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML 3	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG7
griseofulvin microsize SUSP17	HUMIRA (2 PEN) AJKT3	
griseofulvin microsize TABS17	HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT3	
griseofulvin ultramicrosize17	HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT3	

hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	6	imipramine hcl TABS	14
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22		imipramine pamoate	14
hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	7	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22		imiquimod 5 %	40
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	7	hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22		IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	51
hydrocortisone (intrarectal)	8	hydroxyurea	26	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	51
hydrocortisone (rectal) EX	8	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	INCRELEX	43
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	40	hydroxyzine hcl SYRP	8	INCRUSE ELLIPTA	9
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 40		hydroxyzine hcl TABS	8	indapamide TABS 1.25 MG	42
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	40	hydroxyzine pamoate CAPS	8	indapamide TABS 2.5 MG	42
hydrocortisone acetate (rectal)	8	HYPERSAL NEBU	35	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	
hydrocortisone butyrate CREA	40	HYQVIA	57	indomethacin CPCR	4
hydrocortisone butyrate OINT	40	ibandronate sodium SOLN	42	INFANRIX	60
hydrocortisone butyrate SOLN	40	ibandronate sodium TABS	42	INFLECTRA SOLR	45
hydrocortisone sod succinate 100 MG	35	IBRANCE CAPS	25	INLYTA	23
hydrocortisone TABS	35	IBRANCE TABS	25	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN 16	
hydrocortisone vaginal	64	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML	4	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN 16	
hydrocortisone valerate CREA	40	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..	4	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	16
hydrocortisone valerate OINT	40	ibuprofen TABS 800 MG	4	INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	16
hydrocortisone w/acetic acid	57	icatibant acetate SOSY	46	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	16
hydromorphone hcl LIQD	6	ICLUSIG	25	INSULIN LISPRO SOLN IJ	16
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 6		icosapent ethyl 1 GM	18	INTELENCE 25 MG	29
hydromorphone hcl TABS	6	idarubicin hcl 20 MG/20ML	25	IONOSOL-MB IN D5W	52
hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	6	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	25	IPOL IJ	63
		ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 55	
		ifosfamide SOLR	23	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	
		imatinib mesylate TABS	25		

55	JAKAFI	25	MISC	49
ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	JANUMET TABS	15	KIMONO MICRO THIN PLUS MISC .	49
ipratropium-albuterol SOLN	JANUMET XR TB24 1000 MG-100		KIMONO MISC	49
irbesartan	MG	15	KIMONO PLUS MISC	49
irbesartan-hydrochlorothiazide	JANUMET XR TB24 1000 MG-50		KIMONO PS MISC	49
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100	MG, 500 MG-50 MG	15	KIMONO PS PLUS MISC	49
MG/5ML	JANUVIA	15	KIMONO SENSATION MISC	49
irrigation solutions, physiological .	JARDIANCE	16	KIMONO SENSATION PLUS MISC	
ISENTRESS CHEW	JULUCA	29	49	
ISENTRESS HD TABS	JYNNEOS	63	KIMONO SPECIAL DEVI	49
ISENTRESS TABS	KALETRA SOLN	29	KINRIX SUSY	60
ISOLYTE-P IN D5W	KALYDECO TABS	59	KISQALI (200 MG DOSE)	25
ISOLYTE-S	KAMELEON LUBRICATED MISC .	49	KISQALI (400 MG DOSE)	25
isoniazid SOLN	KANJINTI	24	KISQALI (600 MG DOSE)	25
isoniazid SYRP	KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40		KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) .	25
isoniazid TABS	MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in		KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) .	25
isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	dextrose & sodium chloride)	52	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) .	25
MG, 20 MG, 30 MG	KCL-LACTATED RINGERS-D5W	52	KP PRENATAL MULTIVITAMINS	
isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	ketoconazole (topical) CREA	37	TABS	54
32	ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	37	KRINTAFEL	22
isosorbide mononitrate TABS	ketoconazole	18	KYLEENA	34
isosorbide mononitrate TB24	KETONE TEST STRP	41	KYPROLIS	25
isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	ketoprofen CAPS 50 MG	4	labetalol hcl SOLN	31
40 MG	ketorolac tromethamine (ophth) ...	57	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	31
isradipine CAPS	ketorolac tromethamine TABS	4	labetalol hcl TABS 300 MG	31
itraconazole CAPS	KETOSTIX STRP	41	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50	
itraconazole SOLN	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %		MG/5ML, 100 MG/10ML	12
ivabradine hcl TABS	57		lacosamide TABS	12
ivermectin (pediculicide)	KEVZARA SOAJ	4		
ivermectin	KEVZARA SOSY	4		
IXEMPRA KIT 15 MG	KIMONO COLORS DEVI	49		
	KIMONO MAXX-LARGE FLARE			

lactated ringer's (irrigation)	53	LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) ..23	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG .	44
lactic acid (ammonium lactate) CREA	40	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) ..23	levofloxacin TABS 500 MG	44
.....	40	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) ..23	levonorgestrel & eth estradiol TABS	33
lactic acid (ammonium lactate) LOTN	40	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) ..24	levonorgestrel (emergency oc) 1.5	
12 %	40	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) ..24	MG	34
lactulose (encephalopathy)	45	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..24	levonorgestrel-eth estradiol	
lactulose SOLN	48	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..24	(triphasic)	33
lamivudine (hbv) TABS	30	letrozole	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-	
lamivudine SOLN	29	leucovorin calcium SOLR	day) 0.03 MG-0.15 MG	33
lamivudine TABS 150 MG	29	leucovorin calcium TABS	levonorgestrel-ethinyl estradiol	
lamivudine TABS 300 MG	29	LEUKERAN	(continuous)	33
lamivudine-zidovudine	29	LEUKINE SOLR IJ	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron	
lamotrigine CHEW 25 MG	12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	33	
lamotrigine CHEW 5 MG	12	levorphanol tartrate TABS 2 MG	6
lamotrigine TABS	12	levobunolol hcl	levothyroxine sodium TABS	60
lamotrigine TBDP	12	levobunolol tartrate	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	53
LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	32	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	53
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125		12	lidocaine hcl GEL 2 %	41
MCG, 250 MCG (digoxin)	32	levetiracetam TABS 1000 MG	lidocaine hcl PRSY	41
lansoprazole CPDR 15 MG	61	12	lidocaine hcl SOLN	41
lansoprazole CPDR 30 MG	61	levetiracetam TABS 250 MG, 750	lidocaine PTCH 5 %	41
lanthanum carbonate CHEW	45	MG	lidocaine-prilocaine CREA	41
lapatinib ditosylate	25	12	LILETTA (52 MG)	34
LASTACRAFT	57	levetiracetam TABS 500 MG	lincomycin hcl	21
latanoprost SOLN	57	12	linezolid SUSR	22
leflunomide	5	levetiracetam TB24	linezolid TABS	22
LEMTRADA	59	12	LINZESS	45
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,		levobunolol hcl 0.5 %	liothyronine sodium SOLN	60
15 MG, 25 MG	52	55	liothyronine sodium TABS	60
lenalidomide 20 MG	52	levocetirizine dihydrochloride SOLN	liraglutide	15
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) ..23		18		
		levocetirizine dihydrochloride TABS		
		18		
		levofloxacin (ophth) 0.5 %		
		56		
		levofloxacin in d5w 500 MG/100ML		
		44		
		levofloxacin SOLN PO		
		44		

MENEST 2.5 MG	44	methadone hcl TABS 10 MG	6	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2
MENOSTAR PTWK	44	methadone hcl TABS 5 MG	6	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2
MENQUADFI 0.5 ML	62	methadone hcl TBSO	6	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2
MENVEO SOLN	62	methamphetamine hcl	1	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2
MENVEO SOLR	62	methazolamide TABS	42	methylphenidate PTCH	2
meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	6	methenamine hippurate	22	methylprednisolone acetate SUSP	35
meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML	6	methimazole TABS	60	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	35
meperidine hcl TABS 50 MG	6	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	55	methylprednisolone TABS	35
meprobamate	8	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	23	methylprednisolone TBPK	35
mercaptopurine TABS	23	methotrexate sodium SOLR	23	methyltestosterone TABS	8
mesalamine CP24	45	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23		metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	45
mesalamine CPDR	45	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23		metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	45
mesalamine ENEM	45	methoxsalen rapid	38	metoclopramide hcl TABS	45
mesalamine SUPP	45	methscopolamine bromide	61	metolazone	42
mesalamine TBEC 1.2 GM	45	methsuximide	13	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	20
mesalamine TBEC 800 MG	45	methylphenidate hcl CHEW 10 MG	1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	20
metaxalone 800 MG	55	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG	1	metoprolol succinate TB24 200 MG 31	
metformin hcl TABS 1000 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 5 MG	1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	31
metformin hcl TABS 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG	1	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	31
metformin hcl TABS 850 MG	15	methylphenidate hcl CP24 30 MG	1	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	31
metformin hcl TB24 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24	1	metronidazole (topical) CREA	41
metformin hcl TB24 750 MG	15	methylphenidate hcl CPCR	2		
methadone hcl CONC	6	methylphenidate hcl SOLN	2		
METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)	6	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2		
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML	6	methylphenidate hcl TABS 5 MG	2		
methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML	6	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG	2		
methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML	6				

metronidazole (topical) GEL 0.75 % 41	MODERNA COVID-19 BIVALENT 63	MRESVIA63
metronidazole (topical) GEL 1 % ..41	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP63	MULTI PRENATAL TABS 54
metronidazole (topical) LOTN 41	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY63	mupirocin OINT 36
metronidazole TABS 250 MG, 500 MG21	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP63	MVASI24
metronidazole vaginal64	moexipril hcl 19	MYALEPT 43
mexiletine hcl9	mometasone furoate (nasal) SUSP 55	mycophenolate mofetil CAPS53
miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 64	mometasone furoate CREA40	mycophenolate mofetil TABS53
midodrine hcl64	mometasone furoate OINT 40	mycophenolate sodium 53
miglitol14	mometasone furoate SOLN40	MYLERAN TABS 23
miglustat47	montelukast sodium CHEW9	nabumetone 4
minocycline hcl CAPS 60	montelukast sodium PACK9	nadolol TABS 20 MG 31
minocycline hcl TABS60	montelukast sodium TABS9	nadolol TABS 40 MG 31
minoxidil 2.5 MG, 10 MG 21	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG6	nadolol TABS 80 MG 31
mirabegron TB24 61	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML6	nafcillin sodium IV 10 GM58
MIRCERA 47	morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML6	naftifine hcl CREA 1 %37
MIRENA (52 MG)34	morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML6	naftifine hcl CREA 2 %37
mirtazapine TABS13	morphine sulfate TABS6	naloxone hcl LIQD 17
mirtazapine TBDP13	morphine sulfate TBCR6	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML17
misoprostol61	MOTOFEN 16	naltrexone hcl 17
mitomycin SOLR IV 20 MG25	MOVANTIK45	naproxen sodium TABS 550 MG ...4
mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML ..25	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 56	naproxen SUSP4
MIUDELLA INTRAUTERINE COPPER 34	moxifloxacin hcl in sodium chloride 44	naproxen TABS 4
M-M-R II SOLR63	moxifloxacin hcl TABS44	naproxen TBEC 500 MG4
M-NATAL PLUS TABS54		naratriptan hcl 51
MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 63		NATAACYN56
modafinil 100 MG 2		NATAZIA 34
modafinil 200 MG 2		nateglinide16
		NAYZILAM 12
		neбиволол hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 31

neбиволол hcl 20 MG	31	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,	100 MG	22
NEBUSAL NEBU	35	niacin CPCR 250 MG, 500 MG ...	65	nitrofurantoin monohyd macro	22	
nefazodone hcl	14	NIACIN ER TBCR	65	nitroglycerin (intra-anal)	8	
nelarabine	23	niacin TABS	65	nitroglycerin CPCR	8	
neomycin sulfate TABS	2	niacin TBCR	65	nitroglycerin PT24	8	
neomycin-bacitracin zn-polymyxin	56	niacinamide TABS 100 MG	65	NITROGLYCERIN SOLN IV	8	
neomycin-polymy-dexameth OINT	56	niacinamide TABS 500 MG	65	nitroglycerin SUBL	8	
neomycin-polymy-dexameth SUSP		nicardipine hcl CAPS	31	NIVA-PLUS TABS	54	
0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML,		nicardipine hcl SOLN	31	nizatidine CAPS	61	
0.1 %	56	NICOTINE KIT	59	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30		
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	56	nicotine polacrilex GUM	59	MG/3ML	43	
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .		nicotine polacrilex LOZG	59	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5		
57		nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14		MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15		
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .		MG/24HR, 21 MG/24HR	59	MG/1.5ML	43	
57		NICOTROL INHA	59	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	34	
NEONATAL COMPLETE TABS 120		NICOTROL NS SOLN	59	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	34	
MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10		nifedipine CAPS 10 MG	31	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	34	
MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-		nifedipine CAPS 20 MG	31	norethin acet & estrad-fe TABS 1		
27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2		nifedipine TB24 30 MG	31	MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30		
MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	54	nifedipine TB24 60 MG	31	MCG-75 MG	34	
NEONATAL PLUS TABS	54	nifedipine TB24 90 MG	31	norethindrone & eth estradiol	34	
NEONATAL PRENATAL TABS ...	54	nifedipine TB24	31	norethindrone & ethinyl estradiol-fe		
NEONATAL VITAMIN TABS	54	nilutamide	25	34		
neostigmine methylsulfate SOSY ..	22	nimodipine CAPS	31	norethindrone (contraceptive)	34	
NEO-SYNALAR	36	NIPENT	26	norethindrone acet & eth estra TABS		
NEUPRO	27	nisoldipine	31	34		
NEVANAC	57	nitazoxanide TABS	21	norethindrone acetate TABS	58	
nevirapine SUSP	29	nitisinone CAPS	43	norethindrone acetate-ethinyl		
nevirapine TABS	29	NITRO-BID OINT	8	estradiol	44	
nevirapine TB24 400 MG	29	nitrofurantoin	22	norethindrone acetate-ethinyl		
NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	61			estradiol-fe	34	
NEXPLANON	34			norethindrone-eth estradiol (triphasic)		
NEXTSTELLIS	34			34	

norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	34	NUEDEXTA	59	olopatadine hcl 0.1 %	57
norgestimate-ethinyl estradiol	34	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE		olopatadine hcl 0.2 %	57
norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	34	SUSY 5 MCG/0.5ML	63	omega-3-acid ethyl esters	18
NORMOSOL-M IN D5W	52	nystatin (mouth-throat)	53	omeprazole CPDR	61
NORMOSOL-R PH 7.4	52	nystatin (topical) CREA	37	omeprazole magnesium CPDR	61
nortriptyline hcl CAPS	14	nystatin (topical) OINT	37	omeprazole TBEC	61
nortriptyline hcl SOLN	14	nystatin (topical) POWD EX	37	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	61
NORVIR CAPS	29	nystatin TABS	18	OMNIFLEX DIAPHRAGM	49
NORVIR PACK	29	nystatin-triamcinolone CREA	37	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST 41		nystatin-triamcinolone OINT	37	ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML	17
NOVAREL IM 10000 UNIT	43	NYVEPRIA	47	ondansetron hcl SOSY	17
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	63	octreotide acetate SOLN	44	ondansetron hcl TABS 24 MG	17
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	63	ODEFSEY	29	ondansetron hcl TABS 4 MG	17
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	ODOMZO	24	ondansetron hcl TABS 8 MG	17
NOVOLIN 70/30 SUSP	16	OFEV	59	ondansetron TBDP 4 MG	17
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16	ofloxacin (ophth)	56	ondansetron TBDP 8 MG	17
NOVOLIN N SUSP	16	ofloxacin (otic)	57	ONE VITE WOMENS PLUS TABS 54	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	16	ofloxacin 300 MG, 400 MG	44	ONE VITE WOMENS TABS	54
NOVOLIN R SOLN IJ	16	OGIVRI	24	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	50
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	16	olanzapine SOLR	28	OPILL	34
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	16	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG	28	ORENITRAM TBCR	32
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	16	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	28	ORGOVYX	25
NOVOLOG PENFILL SOCT	16	olanzapine TBDP 20 MG	28	ORLISSA	43
NOVOLOG SOLN IJ	16	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	28	ORKAMBI PACK	59
NP THYROID TABS	60	olmesartan medoxomil	20	ORKAMBI TABS	59
NUBEQA	25	olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide	20	ORLADEYO	46
		olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide	20	orphenadrine citrate TB12	55
		olopatadine hcl (nasal)	55		

oseltamivir phosphate CAPS	30	325 MG-2.5 MG	7	pediatric multivitamins w/fl CHEW	53
oseltamivir phosphate SUSR	30	oxymorphone hcl TABS	6	PEDVAX HIB SUSP	62
OSPHENA	43	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	48
OTEZLA TABS	5	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	6	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfat SOLR 236 GM	48
OTEZLA TBPk	5	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	15	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	48
OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	5	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	15	PEGASYS SOLN	30
OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk	5	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...	15	PEGASYS SOSY	30
OTREXUP SOAJ 10 MG/0.4ML, 12.5 MG/0.4ML, 15 MG/0.4ML, 17.5 MG/0.4ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.4ML, 25 MG/0.4ML	2	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	27	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23	
oxacillin sodium IV 10 GM	58	paclitaxel protein-bound particles ..	27	PENBRAYA	62
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23	paliperidone	28	penciclovir	38
oxaprozin TABS	4	palonosetron hcl SOLN	17	penicillamine CAPS	52
oxazepam CAPS	9	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	42	penicillamine TABS	52
oxcarbazepine SUSP	12	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 42		PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML ..	57
oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12	PANRETIN	37	penicillin g potassium 5000000 UNIT 57	
oxcarbazepine TABS 600 MG	12	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 61		penicillin g sodium	57
oxiconazole nitrate CREA	37	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 61		penicillin v potassium SOLR	57
OXISTAT LOTN	37	PARAGARD INTRAUTERINE COPPER	34	penicillin v potassium TABS	58
oxybutynin chloride SOLN	61	paricalcitol CAPS	43	PENMENVY SUSR IM	62
oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	61	paricalcitol SOLN	43	PENTACEL	60
oxybutynin chloride TB24	61	paroxetine hcl SUSP	14	pentamidine isethionate IN	21
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6	paroxetine hcl TABS	14	pentazocine w/ naloxone hcl	7
oxycodone hcl TABS	6	paroxetine hcl TB24	14	pentoxifylline	46
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	pazopanib hcl	26	perampanel TABS 2 MG	11
oxycodone w/ acetaminophen TABS		PEDIARIX SUSY	60	perampanel TABS 4 MG	11
				perampanel TABS 6 MG	11

perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	PHEXXI	64	PNEUMOVAX 23 SOSY	62
perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .	19	PHOTOFRIN	26	podofilox SOLN	41
perindopril erbumine 4 MG	19	PIFELTRO	29	polymyxin b-trimethoprim	56
permethrin CREA	41	pilocarpine hcl (oral)	53	POMALYST	25
permethrin LIQD EX	41	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % .	55	posaconazole SUSP	18
perphenazine TABS	28	pimecrolimus	40	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML .	52
perphenazine-amitriptyline	58	pimozide	59	potassium bicarbonate TBEF	52
PERSERIS PRSY	28	pindolol TABS	31	potassium chloride CPCR	52
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT .	63	pioglitazone hcl	16	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 % , 5 %-20 MEQ/L-0.45 % , 5 %-20 MEQ/L-0.9 % , 5 %-30 MEQ/L-0.45 % , 5 %-40 MEQ/L-0.45 % , 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	52
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	63	pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L	52
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	64	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS .	15	potassium chloride	
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	64	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .	26	microencapsulated crystals er	52
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	64	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .	26	potassium chloride PACK PO 20 MEQ	52
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG	46	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .	26	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)	52
phendimetrazine tartrate TABS	1	pirfenidone CAPS	59	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	52
phenelzine sulfate	13	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG	59	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	52
phenobarbital ELIX	47	pirfenidone TABS 534 MG	59	potassium citrate (alkalinizer) TBCR .	46
phenobarbital TABS	47	piroxicam CAPS	4	potassium phosphates 45 MMOLE/15ML	52
phenoxybenzamine hcl	19	PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	52	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	36
phentermine hcl CAPS	1	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	52	pralatrexate 20 MG/ML	23
phenytoin CHEW	13	PLEGRIDY SOAJ	59		
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	PLEGRIDY SOSY SC	59		
phenytoin sodium SOLN	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ .	59		
phenytoin SUSP	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	59		
PHEXX	64	PNEUMOVAX 23 SOLN	62		

pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	27	PREHEVBRIO	64	primaquine phosphate TABS	22
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	27	PREMARIN	64	primidone 50 MG, 250 MG	13
prasugrel hcl	46	PREMARIN SOLR	44	PRIORIX SUSR	64
pravastatin sodium	19	PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)	44	PROAIR DIGIHALER	10
praziquantel	8	PREMPHASE	44	PROAIR RESPICLICK AEPB	10
prazosin hcl CAPS	20	PREMPRO	44	probenecid	46
PRECISION XTRA KETONE	41	PRENATAL ONE DAILY TABS	54	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 9	
PRED MILD	56	PRENATAL PLUS TABS	54	prochlorperazine	28
prednisolone acetate (ophth)	56	PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	54	prochlorperazine maleate TABS	28
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	56	PRENATAL TABS	54	progesterone CAPS	58
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	35	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	54	PROGRAF PACK	53
prednisolone sodium phosphate TBDP	35	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT	54	PROGRAF SOLN 5 MG/ML (tacrolimus)	53
prednisolone SOLN	35	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG- 25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	54	PROLASTIN-C SOLN	59
prednisolone TABS	35	PRENATRIX TABS	54	PROLASTIN-C SOLR	59
prednisone SOLN	35	PRENATRYL TABS	54	PROLEUKIN	26
prednisone TABS 1 MG, 5 MG	35	PREVNAR 13	62	PROLIA SOSY	43
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	35	PREVNAR 20	62	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18
prednisone TBPk	35	PREZCOBIX	29	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	59	PREZISTA SUSP	29	promethazine hcl TABS	18
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	59	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	29	propafenone hcl CP12	9
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PRIFTIN	23	propafenone hcl TABS	9
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12			proparacaine hcl	56
pregabalin SOLN	13			propranolol hcl CP24	31

protriptyline hcl	14	QUZYTTR SOLN IV	18	RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	41
PROVISC SOSY	56	QVAR REDIHALER	10	RENFLEXIS	45
prucalopride succinate	44	rabeprazole sodium TBEC	61	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16
PULMICORT FLEXHALER AEPB .	10	raloxifene hcl	43	repaglinide 2 MG	16
PULMOZYME	59	ramelteon	48	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	19
pyrazinamide	23	ramipril CAPS	19	REPATHA SOSY	19
pyridostigmine bromide SOLN PO .	22	ranitidine hcl TABS 150 MG, 300 MG	61	REPATHA SURECLICK SOAJ	19
pyridostigmine bromide TABS 60 MG	22	ranolazine TB12 1000 MG	8	RETACRIT	47
pyridostigmine bromide TBCR	22	ranolazine TB12 500 MG	8	RETROVIR SOLN	29
pyrimethamine	22	rasagiline mesylate	27	REXULTI	28
PYZCHIVA 130 MG/26ML	45	RASUVO SOAJ 7.5 MG/0.15ML, 10 MG/0.2ML, 12.5 MG/0.25ML, 15 MG/0.3ML, 17.5 MG/0.35ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.45ML, 25 MG/0.5ML, 30 MG/0.6ML	2	REZVOGLAR KWIKPEN	16
PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	38	REALITY LATEX CONDOMS MISC .	49	ribavirin (hepatitis c) CAPS	30
PYZCHIVA 90 MG/ML	38	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	49	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG	30
PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	38	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	49	RIDAURA	4
QC PRENATAL TABS	54	REBIF REBIDOSE SOAJ	59	rifabutin	23
QUADRACEL SUSP	60	REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	59	rifampin CAPS	23
QUADRACEL SUSY	60	REBIF SOSY	59	rifampin SOLR	23
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG	28	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	59	riluzole TABS	55
quetiapine fumarate TB24	28	RECOMBIVAX HB SUSP	64	rimantadine hydrochloride TABS ..	30
quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19	RECOMBIVAX HB SUSY	64	ringer's	52
quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19	RELENZA DISKHALER	30	ringer's irrigation	53
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	20	RELION KETONE TEST STRP ...	41	RINVOQ LQ SOLN	2
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	20	RELION LANCET DEVICES 30G	50	RINVOQ TB24	2
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG	20	RELION LANCETS	50	risedronate sodium TABS 150 MG	43
quinidine sulfate TABS	9			risedronate sodium TABS 35 MG	43
quinine sulfate CAPS 324 MG	22			risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	43
				risedronate sodium TBEC	43

risperidone microspheres	28	SANTYL OINT	40	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	3
risperidone SOLN	28	SAVELLA TABS	58	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	3
risperidone TABS	28	SAVELLA TITRATION PACK MISC	58	SIMLANDI (2 PEN) AJKT	3
risperidone TBDP	28			SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	3
ritonavir TABS	29	saxagliptin hcl	15	SIMPONI ARIA SOLN	3
rivaroxaban SUSR 1 MG/ML	11	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG	15	SIMULECT	53
rivaroxaban TABS 2.5 MG	11	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15	simvastatin TABS	19
rivastigmine tartrate CAPS	58	scopolamine	17	sirolimus TABS	53
rizatriptan benzoate TABS 10 MG	51	SELECT INSULIN SYRINGES	50	SIRTURO	23
rizatriptan benzoate TABS 5 MG	51	SELECT LANCETS	50	SKYLA	34
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	51	selegiline hcl CAPS	27	SKYRIZI PEN SOAJ	38
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG	51	selegiline hcl TABS	27	SKYRIZI SOCT	45
roflumilast	9	selenium sulfide LOTN 2.5 %	38	SKYRIZI SOLN	45
romidepsin SOLR	26	SELZENTRY SOLN	29	SKYRIZI SOSY	38
ropinirole hydrochloride TABS	27	SEREVENT DISKUS	10	SLYND	34
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	27	sertraline hcl CONC	14	SM PRENATAL VITAMINS TABS	54
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	27	sertraline hcl TABS	14	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	51
rosuvastatin calcium TABS	19	sevelamer carbonate PACK	45	sodium acetate SOLN	51
ROTARIX SUSP	64	sevelamer carbonate TABS	45	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	46
ROTATEQ SOLN	64	SHINGRIX	64	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	35
ROZLYTREK CAPS	26	SIGNIFOR	44	sodium citrate & citric acid	46
RUBRACA	26	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	32	sodium fluoride CHEW	52
rufinamide SUSP	13	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	32	sodium phenylbutyrate POWD	43
rufinamide TABS 200 MG	13	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	32	sodium phenylbutyrate TABS	43
rufinamide TABS 400 MG	13	sildenafil citrate	32	sodium polystyrene sulfonate POWD	53
RUXIENCE	24	silodosin	46	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	53
RYBELSUS TABS	16	silver sulfadiazine	38	sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate	48
sacubitril-valsartan TABS	32				
salsalate	5				

SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	30	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	38	SULFAMYLLON CREA	38
solifenacin succinate TABS	61	STELARA SOSY 90 MG/ML	38	sulfasalazine TABS	45
SOLIQUA	15	STEQEYMA	45	sulfasalazine TBEC	45
SOLU-CORTEF 250 MG	35	STEQEYMA 45 MG/0.5ML	38	sulindac TABS	5
SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG 35		STEQEYMA 90 MG/ML	38	sumatriptan	51
SOLU-MEDROL 2 GM	35	STIOLTO RESPIMAT	10	sumatriptan succinate SOAJ	51
sorafenib tosylate	26	STIVARGA	26	sumatriptan succinate SOCT	51
SORBITOL 3 %	46	STRENSIQ	43	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	51
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	46	streptomycin sulfate SOLR	2	sumatriptan succinate TABS	51
sotalol hcl (afib/af)	31	STRIBILD	30	sumatriptan-naproxen sodium	51
sotalol hcl TABS 240 MG	31	STRIVERDI RESPIMAT	10	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	31	sucrafate SUSP	61	sunitinib malate 37.5 MG	26
SOVALDI TABS 200 MG	30	sucrafate TABS	61	SUNOSI 150 MG	1
SOVALDI TABS 400 MG	30	sulconazole nitrate CREA	37	SUNOSI 75 MG	1
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	64	sulconazole nitrate SOLN	37	SYMTUZA	30
SPIKEVAX SUSP	64	sulfacetamide sodium (acne)	36	SYNAREL	43
SPIKEVAX SUSY	64	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 56		SYNJARDY TABS	15
spinosad	41	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	36	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	36	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15
spironolactone & hydrochlorothiazide	42	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	36	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	60
spironolactone TABS	42	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	56	TABLOID	23
SPRAVATO (56 MG DOSE)	14	sulfadiazine TABS	60	tacrolimus (topical) OINT	40
SPRAVATO (84 MG DOSE)	14	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	tacrolimus CAPS	53
stannous fluoride CONC	53	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	53
STELARA 130 MG/26ML	45	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tadalafil (pulmonary hypertension) TABs	32
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	38				

tadalafil 5 MG	32	terazosin hcl	20	timolol maleate (ophth) SOLN	55
TAFINLAR CAPS	26	terbinafine hcl TABS	18	timolol maleate TABS	31
TAFINLAR TBSO	26	terbutaline sulfate SOLN	10	tinidazole	21
tafluprost	57	terbutaline sulfate TABS	10	tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG	9
TAGRISSO 40 MG	24	terconazole vaginal CREA	64	TIVICAY PD TBSO	30
TAGRISSO 80 MG	24	terconazole vaginal SUPP	64	TIVICAY TABS 50 MG	30
TAKHZYRO SOLN	46	teriflunomide	59	tizanidine hcl CAPS	55
TAKHZYRO SOSY	46	teriparatide SOPN	43	tizanidine hcl TABS	55
TALZENNA	26	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	8	tobramycin (ophth) SOLN	56
tamoxifen citrate TABS	25	testosterone cypionate SOLN IM ...	8	tobramycin NEBU	2
tamsulosin hcl	46	testosterone enanthate SOLN IM ...	8	tobramycin-dexamethasone SUSP 56	
tavaborole	37	TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	60	TODAY SPONGE MISC	64
tazarotene CREA 0.1 %	38	tetrabenazine	58	tolcapone	27
TAZVERIK	26	tetracycline hcl CAPS	60	tolmetin sodium CAPS	5
TDVAX SUSP	60	THALOMID	52	tolmetin sodium TABS 600 MG	5
TEFLARO	33	theophylline ELIX	10	TOLSURA CAPS	18
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 13		theophylline SOLN	10	tolterodine tartrate CP24	61
TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 13		theophylline TB12	10	tolterodine tartrate TABS	61
telmisartan	20	theophylline TB24	10	tolvaptan TABS	44
telmisartan-amlodipine	20	THERANATAL CORE NUTRITION TABs	54	topiramate CPSP 15 MG	13
telmisartan-hydrochlorothiazide ...	20	thioridazine hcl	28	topiramate CPSP 25 MG	13
temazepam 15 MG, 30 MG	47	thiotepa 15 MG	23	topiramate CS24	13
temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	47	thiothixene	28	topiramate TABS 200 MG	13
TEMODAR SOLR	23	THYMOGLOBULIN	53	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .	13
temozolomide CAPS	23	THYROGEN 0.9 MG	41	topiramate TABS 50 MG	13
temsirolimus	26	tiagabine hcl	13	topotecan hcl SOLN	27
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	60	ticagrelor 60 MG, 90 MG	47	topotecan hcl SOLR	27
tenofovir disoproxil fumarate TABS 30		timolol maleate (ophth) SOLG	55	toremifene citrate	25
				torseamide TABS	42

TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)	TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	TRICARE TABS
.....321654
tramadol hcl TABS 50 MG	TRESIBA SOLN	trientine hcl 250 MG
.....61652
tramadol hcl TB24	tretinoin (chemotherapy)	trifluoperazine hcl TABS
.....62628
tramadol-acetaminophen	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1	trifluridine
.....7	%3656
trandolapril 1 MG, 2 MG	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	trihexyphenidyl hcl SOLN
.....193627
trandolapril 4 MG	tretinoin microsphere 0.1 %	trihexyphenidyl hcl TABS
.....193627
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-
MG, 240 MG-1 MG	MG, 15 MG	12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG
.....202315
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2	triamcinolone acetonide (mouth)	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10
MG, 240 MG-4 MG53	MG, 1000 MG-5 MG-25 MG
.....21	triamcinolone acetonide (nasal)15
tranexamic acid SOLN 1000	AERO	TRIKAFTA TBPB
MG/10ML5559
.....47	triamcinolone acetonide (topical)	trimethobenzamide hcl CAPS
tranexamic acid TABS	CREA 0.025 %17
.....4740	trimethoprim TABS
tranylcypromine sulfate	triamcinolone acetonide (topical)21
.....13	CREA 0.1 %	trimipramine maleate CAPS
travoprost SOLN4014
.....57	triamcinolone acetonide (topical)	TRINTELLIX
TRAZIMERA	CREA 0.5 %14
.....2440	TRIUMEQ PD TBSO
trazodone hcl TABS	triamcinolone acetonide (topical)30
.....14	LOTN 0.025 %	TRIUMEQ TABS
TRELEGY ELLIPTA4030
.....10	triamcinolone acetonide (topical)	TROJAN BARESKIN DEVI
TRELSTAR MIXJECT	LOTN 0.1 %49
.....2540	TROJAN MAGNUM MISC
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC	triamcinolone acetonide (topical)49
100 MG/ML	OINT 0.025 %, 0.1 %	TROJAN ULTRA THIN MISC
.....384049
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	triamcinolone acetonide (topical)	TROJAN ULTRA
38	OINT 0.5 %	THIN/SPERMICIDAL MISC
TREMFYA PEN SOAJ SC 2004049
MG/2ML	triamcinolone acetonide SUSP 40	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC
.....45	MG/ML	49
TREMFYA SOLN IV35	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC
.....45	triamterene & hydrochlorothiazide49
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	CAPS 25 MG-37.5 MG	tropicamide SOLN 0.5 %
.....384255
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	triamterene & hydrochlorothiazide	tropicamide SOLN 1 %
45	TABS55
TREMFYA-CD/UC INDUCTION42	trospium chloride CP24
SOAJ SC 200 MG/2ML	triamterene CAPS61
.....4542	trospium chloride TABS
treprostinil SOLN IJ	triazolam61
.....3248	TRUE COVER DEVI
	49
		TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE

TEST STRP	41	TYBLUME CHEW	34	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	12
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...	50	TYBOST	30	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5	
TRULANCE	45	TYMLOS	43	MG/0.1ML	12
TRULICITY	16	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	32	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10	
TRUMENBA 0.5 ML	62	TYVASO SOLN IN	32	MG/0.1ML	12
TRUSTEX COLOR CONDOMS +		TYVASO STARTER KIT SOLN IN	32	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	12
LUBE MISC	49	UBRELVY 100 MG	50	vancomycin hcl CAPS	21
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED		UBRELVY 50 MG	50	vancomycin hcl SOLR PO 25	
MISC	49	UDENYCA ONBODY SOSY	47	MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	.21
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST		UDENYCA SOAJ	47	VAQTA	64
MISC	49	UDENYCA SOSY	47	VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50	
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL		umeclidinium-vilanterol	10	UNIT/ML	64
MISC	49	UPTRAVI TABS 200 MCG	32	varenicline tartrate TABS	59
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE		UPTRAVI TABS 400 MCG, 600		varenicline tartrate TBPK	59
MISC	49	MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200		VARIVAX SUSR	64
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST		MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	32	VARUBI (180 MG DOSE) TBPK ...	17
MISC	49	UPTRAVI TITRATION TBPK	32	VAXELIS SUSP	60
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	49	ursodiol CAPS	45	VAXELIS SUSY	60
TRUSTEX		ursodiol TABS	45	VAXNEUVANCE	62
LUBRICATED/SPERMICIDE MISC		UVADEX	26	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE	
49		VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45		FILM	64
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +		MG	25	VECAMYL	21
LUBE MISC	49	valacyclovir hcl 1 GM	30	VECTIBIX 100 MG/5ML	24
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE		valacyclovir hcl 500 MG	30	VELPHORO	45
MISC	49	valganciclovir hcl TABS	30	venlafaxine hcl CP24	14
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC .		valproate sodium SOLN PO 250		venlafaxine hcl TABS	14
49		MG/5ML, 500 MG/10ML	13	venlafaxine hcl TB24	14
TRUSTEX-NONOXYNOL-		valproic acid CAPS	13	verapamil hcl CP24 100 MG, 200	
9/RIB/STUD MISC	49	valrubicin	25	MG, 300 MG	31
TRUXIMA	24	valsartan TABS	20	verapamil hcl CP24 120 MG, 180	
TUKYSA	24	valsartan-hydrochlorothiazide	21	MG, 240 MG, 360 MG	32
TURALIO 125 MG	26			verapamil hcl TABS	32
TWINRIX SUSY	64				
TWIRLA	34				

verapamil hcl TBCR	32	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	50	CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML ..	18
VEREGEN	36	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	50	YERVOY	24
VERZENIO	26	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	50	YESINTEK 130 MG/26ML	45
vigabatrin PACK	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	50	YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML ..	38
vigabatrin TABS	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	50	YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML ..	38
vilazodone hcl TABS	14	XALKORI CAPS	26	YESINTEK SOSY 90 MG/ML	38
vincristine sulfate	27	XARELTO STARTER PACK TBPK		YONSA	25
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	27	11		YUFLYMA (1 PEN) AJKT 40	
VIRACEPT TABS 250 MG	30	XARELTO SUSR 1 MG/ML		MG/0.4ML	3
VIRACEPT TABS 625 MG	30	(rivaroxaban)	11	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 80	
VIREAD POWD	30	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11	MG/0.8ML	3
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG,		XARELTO TABS 15 MG	11	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4
250 MG	30	XELJANZ SOLN	2	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4
VISTOGARD	17	XELJANZ TABS 10 MG	2	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	65	XELJANZ TABS 5 MG	2	AJKT	4
VITATHELY WITH GINGER TABS		XELJANZ XR TB24	2	zafirlukast	9
54		XEOMIN	55	zaleplon 10 MG	48
VITRAKVI CAPS	26	XHANCE EXHU	55	zaleplon 5 MG	48
VITRAKVI SOLN	26	XIFAXAN 200 MG	21	ZALTRAP 100 MG/4ML	24
VIZIMPRO	24	XIFAXAN 550 MG	21	ZANOSAR	23
VORAXAZE	26	XIGDUO XR (dapagliflozin		ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13
voriconazole TABS	18	propanediol-metformin hcl)	15	ZARXIO	47
VOSEVI	30	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500		ZEJULA TABS	26
VYNDAMAX	33	MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZELBORAF	26
VYNDAQEL	33	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000		ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000	
warfarin sodium TABS	10	MG-5 MG	15	UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-	
water for irrigation, sterile	53	XOSPATA	26	10000 UNIT-3000 UNIT, 168000	
WESTAB PLUS TABS	54	XTANDI CAPS	25	UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT,	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	50	XTANDI TABS 40 MG	25	24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT,	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	50	XTANDI TABS 80 MG	25	42000 UNIT-32000 UNIT-10000	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	50	XULTOPHY	15	UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-	
		XYZAL ALLERGY 24HR		15000 UNIT, 84000 UNIT-63000	
				UNIT-20000 UNIT	42
				ZENPEP CPEP 252600 UNIT-	

189600 UNIT-60000 UNIT	41
zidovudine CAPS	30
zidovudine SYRP	30
zidovudine TABS	30
zileuton TB12	9
ziprasidone hcl	28
ZIRABEV	24
ZIRGAN GEL	56
ZOLADEX 10.8 MG	25
ZOLADEX 3.6 MG	25
zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 43	
ZOLINZA	26
zolmitriptan SOLN	51
zolmitriptan TABS	51
zolmitriptan TBDP	51
zolpidem tartrate TABS	48
zolpidem tartrate TBCR	48
zonisamide CAPS	13
ZONTIVITY	47
ZYDELIG	26
ZYLET	56

Ambetter from Peach State Health Plan is underwritten by Ambetter of Peach State Inc., which is a Qualified Health Plan issuer in the Georgia Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. ©2025 Ambetter of Peach State Inc., AmbetterHealth.com/en/ga. For information on your right to receive an Ambetter from Peach State Health Plan free of discrimination, or your right to receive language, auditory and/or visual assistance services, please visit AmbetterHealth.com and scroll to the bottom of the page.

Ambetter from Peach State Health Plan được bảo lãnh bởi Ambetter of Peach State Inc. Đây là đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Georgia. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 Ambetter of Peach State Inc., AmbetterHealth.com/en/ga. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter from Peach State Health Plan mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.